TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2018/ DS-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Duy Khánh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lê Tuấn Kiệt**.

2- Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ.**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B: Bà **Lý Thể Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 148/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị T** – sinh năm 1956.

Trú tại: khóm M, Phường 3, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Đồng bị đơn*: - Ông **Phạm Viết T**, sinh năm 1950 (vắng mặt)

- Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1952. (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 135/5, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B;

Tạm trú: Số 199^{A}, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2017, biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2017 và tại phiên tòa, bà Lê Thị T, là nguyên đơn trình bày: Vào ngày 13/12/2016 bà T có cho ông Phạm Viết T mượn 01 sợi dây chuyền trọng lượng 03 chỉ vàng 23K tại nhà của bà T, khi mượn vàng các bên không làm biên nhận, cũng không thỏa thuận lãi suất gì, ông

T cam kết trong vòng 01 tuần đến 02 tuần sẽ trả lại, nhưng đến thời hạn ông T vẫn không trả vàng. Tại biên bản hòa giải của ban nhân dân Khóm 10, Phường 1, thành phố B ngày 16/6/2017 bà Đ có thừa nhận trả vàng thay cho ông T. Khi đến nhà ông T đòi vàng thì vợ chồng ông T có đưa cho bà Hợp đồng thế chấp tài sản số 835 ngày 14/12/2016 thể hiện ông T cầm đồ tại Dịch vụ cầm đồ Gia Bảo là sợi dây chuyền khuyên lật có trọng lượng 02 chỉ 09 phân 7,8 ly, loại vàng 23K thì nay bà T xác định đây chính là sợi dây chuyền bà cho ông T mượn.

Nay bà T yêu cầu bà Đ và chồng là ông T cùng có trách nhiệm trả cho bà số vàng 02 chỉ 09 phân 7,8 ly, loại vàng 23K.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2017 và tại phiên tòa, bà Lê Thị Đ, là đồng bị đơn trình bày: Sự việc chồng bà là ông Phạm Viết T mượn sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 23K của bà T vào thời gian nào thì bà Đ không biết. Đến khi bà T đến nhà đòi số vàng trên thì bà Đ mới biết, sau đó bà Đ lục trong nhà thì gặp Hợp đồng thế chấp tài sản số 835 ngày 14/12/2016 của chồng bà cầm đồ tại Dịch vụ cầm đồ Gia Bảo là sợi dây chuyền khuyên lật có trọng lượng 02 chỉ 09 phân 7,8 ly, loại vàng 23K, số T cầm là 8.500.000 đồng. Nay bà Đ đồng ý cùng ông T trả bà T số vàng 02 chỉ 09 phân 7,8 ly, loại vàng 23K.

* Từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T đều vắng mặt và không gửi văn bản hay ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà T cho Tòa án.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thàn h phố Bạc Liêu, tỉnh B phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Các đương sự là bà T và bà Đ đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Riêng ông T đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ông T.

- Về nội dung vụ án: Bà T và bà Đ đều thừa nhận ông T có mượn vàng của bà T. Ông T đã được Tòa án thông báo về nội dung vụ án nhưng không có ý kiến gì. Đồng thời, bà T có cung cấp Hợp đồng thế chấp tài sản số 835 ngày 14/12/2016 thể hiện ông T cầm đồ tại Dịch vụ cầm đồ Gia Bảo là sợi dây chuyền khuyên lật có trọng lượng 02 chỉ 09 phân 7,8 ly, loại vàng 23K thì được bà Đ thừa nhận từ trước đến nay vợ chồng bà không tự mua sợi dây chuyền này và bà T xác định sợi dây chuyền này phù hợp với sợi dây chuyền bà cho ông T mượn. Do đó, có căn cứ xác định ông T có mượn của bà T 01 sợi dây chuyền vàng có trọng lượng như trên, bà Đ cũng đồng ý trả vàng cùng ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông T. Đây là lần triệu tập tham dự phiên tòa lần thứ hai, nhưng tại phiên Tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đồng bị đơn là ông Phạm Viết T tại phiên tòa hôm nay.

- Về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T yêu cầu ông Phạm Viết T và bà Lê Thị Đ trả 02 chỉ 09 phân 7,8 ly, loại vàng 23K, bà Đ đồng ý cùng ông T trả vàng, còn ông T thì không có ý kiến nên hai bên phát sinh tranh chấp. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do ông T và bà Đ đang cư trú trên địa bàn thành phố B nên Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà T yêu cầu ông T và bà Đ trả số vàng 02 chỉ 09 phân 7,8 ly, loại vàng 23K, Hội đồng xét xử thấy rằng: ông T đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt tại tòa nên tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T. Tuy nhiên, căn cứ vào Hợp đồng thế chấp tài sản số 835 ngày 14/12/2016 thể hiện ông T có cầm cố tài sản tại Dịch vụ cầm đồ Gia Bảo, tài sản cầm là sợi dây chuyền khuyên lật có trọng lượng 02 chỉ 09 phân 7,8 ly, loại vàng 23K. Sợi dây chuyền này phù hợp với số vàng mà bà T xác định cho ông T mượn. Đồng thời, bà Đ xác định khi bà T đến nhà bà đòi vàng, bà xem lại Hợp đồng thế chấp tài sản số 835 ngày 14/12/2016 thì bà có biết chồng bà là ông T mượn bà T số vàng trên, vì từ trước đến nay vợ chồng bà không có số vàng này. Tại phiên tòa bà Đ cũng thừa nhận ông T có mượn bà T số vàng trên.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông T có mượn bà T một sợi dây chuyền có trọng lượng 02 chỉ 09 phân 7,8 ly, loại vàng 23K. Do bà Đ và ông T là vợ chồng, nay bà Đ đồng ý trả vàng chung với ông T nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông T và bà Đ cùng có trách nhiệm trả lại tài sản trên cho bà T.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, như đã phân tích ở trên là có cơ sở, phù hợp với nội dung vụ án nên được chấp nhận toàn bộ.

Về án phí: theo khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án*

chấp nhận". Do toàn bộ yêu cầu của bà T được chấp nhận nên ông T và bà Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T và bà Đ phải trả cho bà T số 02 chỉ 09 phân 7,8 ly, loại vàng 23K nên ông T và bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bà T không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ T tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 494 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T,

Buộc ông Phạm Viết T và bà Lê Thị Đ cùng có trách nhiệm hoàn trả bà Lê Thị T 02 chỉ 09 phân 7,8 ly (hai chỉ, chín phân, bảy phảy tám ly) vàng 23K (loại vàng 23K lưu hành trên thị trường hiện nay).

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Viết T và bà Lê Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Bà Lê Thị T không phải nộp án phí. Bà T đã nộp 300.000 đồng T tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007696 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B nay được hoàn lại toàn bộ.

3/. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T và bà Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/4/2018. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh B;
- VKSND TP B;
- THA TP B;
- Các đương sự;

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Khánh